UBND TỈNH PHÚ YÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập -Tự do - Hạnh phúc

Số: 453/QĐ-ĐHPY

Phú Yên, ngày 28 tháng 8 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Chương trình đào tạo ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng, hệ chính quy, khóa đào tạo 2018-2021

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Giáo dục đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Quyết định số 112/QĐ-TTg, ngày 24 tháng 01 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Quyết định số 751/QĐ-UBND, ngày 12 tháng 4 năm 2017 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên về việc phân công phụ trách Trường Đại học Phú Yên;

Căn cứ Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT, ngày 06 tháng 9 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo "Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học";

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT, ngày 16 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định "Về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ ĐH, thạc sĩ, tiến sĩ";

Căn cứ Quyết định số 454/QĐ-ĐHPY, ngày 31/8/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên Quy định về việc Ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ đại học, cao đẳng và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, cao đẳng;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Đào tạo và Trưởng khoa Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non Trường Đại học Phú Yên;

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này chương trình đào tạo ngành **Giáo dục Mầm non (mã số 51140201)** trình độ cao đẳng hệ chính quy, khoá đào tạo 2018-2021.

Điều 2. Căn cứ chương trình này, các khoa, bộ môn có trách nhiệm tổ chức cho giảng viên xây dựng *Đề cương chi tiết học phần* để sử dụng chính thức trong giảng dạy. Chương trình này được công bố công khai cho sinh viên thuộc ngành đào tạo biết khi bắt đầu khóa học.

Điều 3. Trưởng phòng Đào tạo, Trưởng khoa Khoa Giáo dục Tiểu học - Mầm non, các phòng, ban, khoa, bộ môn có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận*:**
- Như điều 3;
- Lưu ĐT, VT.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

TS. Nguyễn Định

UBND TỈNH PHÚ YÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 453 /QĐ-ĐHPY ngày 28 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên)

Tên chương trình: GIÁO DỤC MẦM NON
Trình độ đào tạo: CAO ĐẲNG
Ngành đào tạo: GIÁO DỤC MẦM NON (Early childhood Education)
Mã số: 51140201. Loại hình đào tạo: HỆ CHÍNH QUY

1. Mục tiêu đào tạo

Chương trình đào tạo trình độ Cao đẳng ngành Giáo dục mầm non (GDMN) nhằm đào tạo giáo viên mầm non (GVMN) có kiến thức chuyên môn cơ bản, kĩ năng giảng dạy thành thạo, hiểu biết được tác động của các nguyên lí, quy luật tự nhiên – xã hội trong thực tiễn và có khả năng giải quyết những vấn đề thông thường thuộc ngành Giáo dục mầm non.

2. Chuẩn đầu ra

2.1. Chuẩn đầu ra chung (về Lý luận chính trị, Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh, Ngoại ngữ, Tin học)

Theo Chuẩn đầu ra chung các ngành đào tạo trình độ cao đẳng của Trường Đại học Phú Yên.

2.2 Kiến thức

- Hiểu biết về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội nhân văn, kiến thức cơ sở ngành giáo dục mầm non để thực hiện nhiệm vụ chăm sóc và giáo dục đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo dục mầm non.
- Hiểu và vận dụng kiến thức chuyên ngành vào việc chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.
- Áp dụng thành thạo kiến thức về nghệp vụ sư phạm: tâm lý học, giáo dục học, phương pháp dạy học trong công tác chăm sóc và giáo dục trẻ mầm non.

2.3 Kỹ năng

- Lập được kế hoạch chăm sóc, giáo dục trẻ; tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc sức khỏe cho trẻ; Tổ chức các hoạt động giáo dục trẻ.
- Có kỹ năng quản lý lớp học: đảm bảo an toàn cho trẻ; xây dựng và thiết kế kế hoạch quản lý nhóm, lớp gắn với kế hoạch hoạt động chăm sóc và giáo dục trẻ;thiết kế và sử dụng đồ dùng dạy học.
- Có kỹ năng giao tiếp, tổ chức làm việc nhóm, khả năng thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp.

2.4. Thái độ

- Yêu nghề, tận tụy với nghề, sẵn sàng khắc phục khó khăn hoàn thành nhiệm vụ.
- Chấp hành pháp luật, chính sách của Nhà nước.
- Chấp hành các quy định của ngành, quy định của trường, kỷ luật lao động.
- Có đạo đức, nhân cách và lối sống lành mạnh, trong sáng của nhà giáo; có ý thức phấn đấu vươn lên trong nghề nghiệp.

- Trung thực trong công tác, đoàn kết trong quan hệ với đồng nghiệp; tận tình phục vụ nhân dân và trẻ.

2.5. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

- Tận tâm với nghề; có tinh thần cầu tiến, tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
- Tự tin, bản lĩnh, năng động, sáng tạo, khẳng định năng lực của bản thân.; Có ý chí khắc phục khó khăn để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.
- Chăm sóc, giáo dục trẻ bằng tình yêu thương, sự công bằng và trách nhiệm của một nhà giáo; Ứng xử chân tình, thân thiện với đồng nghiệp, phụ huynh và cộng đồng.
- Có tinh thần đoàn kết, tương trợ đồng nghiệp, quan hệ chặt chẽ với gia đình và cộng đồng để hỗ trợ người học học tập và rèn luyện; Có ý thức tham gia các hoạt động chính trị xã hội trong và ngoài nhà trường nhằm phát triển nhà trường và cộng đồng, xây dựng xã hội học tập.

2.6. Vị trí việc làm sau tốt nghiệp:

- Làm giáo viên tại các trường và cơ sở giáo dục mầm non.
- Có thể làm chuyên viên tại các phòng Giáo dục, Sở Giáo dục.

2.7. Khả năng học tập nâng cao:

Học liên thông lên trình độ Đại học ngành Giáo dục Mầm non.

3. Khối lượng kiến thức toàn khóa:

Tổng số tín chỉ toàn khóa là 107 tín chỉ bao gồm các học phần bắt buộc và học phần tự chọn *(chưa kể Giáo dục thể chất 3 tín chỉ và Giáo dục quốc phòng – an ninh 8 tín chỉ).*

TT	Cấu trúc kiến thức của chương trình	Tín chỉ	Tín chỉ bắt buộc	Tín chỉ tự chọn
1	**Khối giáo dục đại cương** (chưa kể giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng)	**34**	**30**	**4**
2	**Khối giáo dục chuyên nghiệp**	**73**	**65**	**8**
2.1	Kiến thức cơ sở ngành	23	19	4
2.2	Kiến thức ngành	30	26	4
2.3	Kiến thức nghiệp vụ sư phạm	14	14	0
2.4	Thực tập sư phạm tốt nghiệp	6	6	0
TỔNG CỘNG		**107**	**95**	**12**

4. Đối tượng tuyển sinh: Thí sinh tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương. Các quy định khác theo quy chế Quy chế tuyển sinh đại học hệ chính quy; tuyển sinh cao đẳng, tuyển sinh trung cấp nhóm ngành đào tạo giáo viên hệ chính quy.

5. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Thực hiện theo Quyết định số 430/QĐ-ĐHPY ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

6. Cách thức đánh giá: Thực hiện theo Quyết định 430/QĐ-ĐHPY ngày 14 tháng 8 năm 2018 của Hiệu trưởng Trường Đại học Phú Yên về việc Ban hành Quy chế học vụ trình độ đại học, trình độ cao đẳng (khối ngành I) hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

7. Nội dung chương trình

STT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	Số tiết				Điều kiện tiên quyết (Số thứ tự HP)
				LT	BT/ TL	TH/ TT	Tự học (nếu có)	
7.1	**Kiến thức giáo dục đại cương:**		**34**	**425**	**50**	**70**	**0**	
7.1.1	***Lý luận chính trị***		**10**	**150**	0	**0**	**0**	
1	LC210012	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác– Lênin 1	2	30	0	0	0	
2	LC210113	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác– Lênin 2	3	45	0	0	0	1
3	LC220012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	2
4	LC220113	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	45	0	0	0	3
7.1.2	***Ngoại ngữ***		**9**	**90**	**45**	**0**	**0**	
5	NG216203	Tiếng Anh 1 (A2.1)	3	30	15	0	0	
6	NG216213	Tiếng Anh 2 (A2.2)	3	30	15	0	0	5
7	NG216223	Tiếng Anh 3 (A2.3)	3	30	15	0	0	6
7.1.3	***Khoa học xã hội và nhân văn***		**10**	**130**	**5**	**30**		
	- Bắt buộc:		**6**	**70**	**5**	**30**		
8	XH216212	Tiếng Việt	2	25	5	0	0	
9	LC230012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	1
10	TL211322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
	- Tự chọn: chọn 4/6 tín chỉ		**4**	**60**	**0**	**0**	**0**	
11	*LC220142*	*Đạo đức học*	*2*	*30*	0	*0*	0	1
12	*LC210132*	*Mỹ học đại cương*	*2*	*30*	0	*0*	0	1
13	*XH240012*	*Cơ sở văn hóa Việt Nam*	*2*	*30*	0	*0*	0	
7.1.4	***Khoa học tự nhiên và công nghệ***		**5**	**55**	**0**	**40**	**0**	
14	KC200063	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
15	TM212012	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
7.1.5	***Giáo dục thể chất***		**3**	**0**	**0**	**90**	**0**	
16	TC250011	Giáo dục thể chất 1	1	0	0	30	0	
17	TC251011	Giáo dục thể chất 2	1	0	0	30	0	17
18	TC252011	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	30	0	18
7.1.6	***Giáo dục quốc phòng – an ninh***							
19	TC260018	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	8 tín chỉ = 165 tiết				
7.2.	**Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp**		**73**	**675**	**45**	**540**	**0**	
7.2.1	***Kiến thức cơ sở ngành***		**23**	**295**	**5**	**90**	**0**	
	-Bắt buộc:		**19**	**235**	**5**	**90**	**0**	
20	TL220072	Tổ chức thực hiện chương trình GDMN	2	30	0	0	0	
21	TN242092	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	30	0	0	0	
22	NT210702	Âm nhạc cơ bản	2	15	0	30	0	
23	NT220802	Mỹ thuật	2	15	0	30	0	
24	XH210192	Văn học trẻ em	2	30	0	0	0	
25	TL211152	Giáo dục hòa nhập	2	30	0	0	0	47
26	TM223422	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	30	0	0	0	

27	TM223453	Vệ sinh – Chăm sóc trẻ	3	30	0	30	0	
28	TM223442	Dinh dưỡng trẻ em	2	25	5	0	0	
	-Tự chọn: (4/6 TC)		**4**	**60**	**0**	**0**	**0**	
29	*TL210062*	*Giao tiếp với trẻ*	*2*	*30*	0	*0*	0	45
30	*TL211132*	*Giáo dục gia đình*	*2*	*30*	0	*0*	0	48
31	*TL211162*	*Nghề giáo viên mầm non*	*2*	*30*	0	*0*	0	*48*
7.2.2	***Kiến thức ngành***		**30**	**245**	**10**	**360**	**0**	
	- Bắt buộc:		**26**	**215**	**10**	**300**	**0**	
32	TL211142	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	20	10	0	0	
33	NT211702	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2	15	0	30	0	23
34	NT221702	Tổ chức hoạt động tạo hình	2	15	0	30	0	24
35	TC243102	Phương pháp giáo dục thể chất	2	15	0	30	0	22
36	TM222113	Phương pháp cho trẻ làm quen với toán	3	30	0	30	0	
37	TM221023	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	30	0	30	0	25
38	TM221013	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	3	30	0	30	0	8
39	TM223213	Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3	30	0	30	0	
40	NT210723	Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác Múa	3	15	0	60	0	34
41	NT220822	Làm đồ chơi cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
42	TM223521	Hoạt động trải nghiệm thực tế (1tuần)	1	0	0	45 giờ	0	
	- Tự chọn: chọn 4/6 tín chỉ		**4**	**30**	**0**	**60**	**0**	
43	*NT210712*	*Đàn phím điện tử*	*2*	*15*	0	*30*	0	23
44	*NT220722*	*Nghệ thuật tạo hình*	*2*	*15*	0	*30*	0	24
45	*TC210032*	*Thể dục nghệ thuật*	*2*	*15*	0	*30*	0	
7.2.3	***Kiến thức nghiệp vụ sư phạm***		**14**	**135**	**30**	**90**	**0**	
46	TL210012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	1
47	TL210172	Tâm lý học trẻ em	2	25	5	0	0	45
48	TL211112	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	1
49	TL211123	Giáo dục học mầm non	3	30	15	0	0	47
50	TL210011	Rèn luyện NVSP thường xuyên (1)	1	0	0	30	0	
51	TL210021	Rèn luyện NVSP thường xuyên (2)	1	0	0	30	0	
52	TL210031	Rèn luyện NVSP thường xuyên (3)	1	0	0	30	0	
53	TL220052	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	1
7.2.4	***Thực tập sư phạm tốt nghiệp***		**6**	**0**	**0**	**270 giờ**	**0**	
54	DT200026	Thực tập sư phạm tốt nghiệp (9 tuần)	6	0	0	270 giờ	0	
Tổng cộng			**107**	**1100**	**95**	**610+ 315 giờ**	0	

Ghi chú: Điều kiện tiên quyết thực hiện theo quy định của Trường Đại học Phú Yên.

8. Kế hoạch giảng dạy (dự kiến)

8.1. Học kỳ I: 17 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/ TL	TH/ TT	Tự học *(nếu có)*	
1	LC210012	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác-Lênin 1	2	30	0	0	0	
2	NG216203	Tiếng Anh 1 (A2.1)	3	30	15	0	0	
3	TC250011	Giáo dục thể chất 1	1	0	0	30	0	
4	KC200063	Tin học đại cương	3	25	0	40	0	
5	XH216212	Tiếng Việt	2	25	5	0	0	
6	NT210702	Âm nhạc cơ bản	2	15	0	30	0	
7	NT220802	Mỹ thuật	2	15	0	30	0	
8	TM212012	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			**16**	**170**	**20**	**100**	**0**	

8.2. Học kỳ II: 19 TC (bắt buộc: 15 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/ TL	TH/ TT	Tự học *(nếu có)*	
	-Bắt buộc:		**15**	**185**	**25**	**30**	**0**	
1	LC210113	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác-Lênin 2	3	45	0	0	0	
2	NG216213	Tiếng Anh 2 (A2.2)	3	30	15	0	0	
3	TC251011	Giáo dục thể chất 2	1	0	0	30	0	
4	LC230012	Pháp luật đại cương	2	30	0	0	0	
5	TL210012	Tâm lý học đại cương	2	25	5	0	0	
6	TL210082	Tâm lý học trẻ em	2	25	5	0	0	
7	TN242092	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non	2	30	0	0	0	
8	TL210011	Rèn luyện NVSP thường xuyên (1)	1	0	0	30	0	
	-Tự chọn:		**4**	**60**	**0**	**0**	**0**	
9	LC220142	Đạo đức học	2	30	0	0	0	Chọn 4/6 TC
10	LC210132	Mỹ học đại cương	2	30	0	0	0	
11	XH240012	Cơ sở văn hóa Việt Nam.	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			**19**	**245**	**25**	**30**	**0**	

8.3. Học kỳ III: 19 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/ TL	TH/ TT	Tự học *(nếu có)*	
1.	LC220012	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	0	0	0	
2.	NG216223	Tiếng Anh 3 (A2.3)	3	30	15	0	0	
3.	TC252011	Giáo dục thể chất 3	1	0	0	30	0	
4.	TL211102	Giáo dục học đại cương	2	25	5	0	0	

5.	XH210192	Văn học trẻ em	2	30	0	0	0	
6.	TM223422	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ	2	30	0	0	0	
7.	TM223453	Vệ sinh - Chăm sóc trẻ	3	30	0	30	0	
8.	TM223442	Dinh dưỡng trẻ em	2	25	5	0	0	
9.	TL210021	Rèn luyện NVSP thường xuyên (2)	1	0	0	30	0	
10.	TL211322	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm	2	15	0	30	0	
Tổng cộng			**19**	**215**	**25**	**90**	**0**	

8.4. Học kỳ IV: 19 TC (bắt buộc: 15 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/ TL	TH/ TT	Tự học *(nếu có)*	
	- Bắt buộc:		**15**	**165**	**15**	**90**	**0**	
1	LC220113	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	3	45	0	0	0	
2	TL211123	Giáo dục học mầm non	3	30	15	0	0	
3	TM221023	Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học	3	30	0	30	0	
4	TM222113	Phương pháp cho trẻ làm quen với toán	3	30	0	30	0	
5	TC260018	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8	8 tín chỉ =165 tiết				
6	TL210031	Rèn luyện NVSP thường xuyên 3	1	0	0	30	0	
7	TL211152	Giáo dục hòa nhập	2	30	0	0	0	
	- Tự chọn:		**4**	**60**	**0**	**0**	**0**	
8	TL210062	Giao tiếp với trẻ em	2	30	0	0	0	Chọn 4/6 TC
9	TL211132	Giáo dục gia đình	2	30	0	0	0	
10	TL211162	Nghề giáo viên mầm non	2	30	0	0	0	
Tổng cộng			**19**	**225**	**15**	**90**	**0**	

8.5. Học kỳ V: 19 TC (bắt buộc)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/ TL	TH/ TT	Tự học *(nếu có)*	
1	TL211142	Tổ chức hoạt động vui chơi	2	20	10	0	0	
2	TM223213	Phương pháp cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh	3	30	0	30	0	
3	TM221013	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em	3	30	0	30	0	
4	NT211702	Tổ chức hoạt động âm nhạc	2	15	0	30	0	
5	NT221702	Tổ chức hoạt động tạo hình	2	15	0	30	0	
6	TC243102	Phương pháp giáo dục thể chất	2	15	0	30	0	
7	TM223521	Hoạt động trải nghiệm thực tế	1	0	0	45 giờ	0	1 tuần
8	TL220072	Tổ chức thực hiện chương trình GDMN	2	30	0	0	0	
9	TL220052	Quản lý nhà trường	2	30	0	0	0	
Tổng cộng:			**19**	**185**	**10**	**150**	**0**	

8.6. Học kỳ VI: 15 TC (bắt buộc: 11 TC, tự chọn: 4 TC)

TT	Mã HP	Học phần	Số TC	Số tiết				Ghi chú
				LT	BT/ TL	TH/ TT	Tự học *(nếu có)*	
	-Bắt buộc:		**11**	**30**	**0**	**90**	0	
1	DT200026	Thực tập sư phạm tốt nghiệp	6	0	0	270 giờ	0	9 tuần
2	NT220822	Làm đồ chơi cho trẻ mầm non	2	15	0	30	0	
3	NT210723	Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác múa	3	15	0	60	0	
	-Tự chọn: (4/6TC)		**4**	**30**	**0**	**60**	**0**	
4	NT210712	Đàn phím điện tử	2	15	0	30	0	Chọn 4/6 TC
5	NT220722	Nghệ thuật tạo hình	2	15	0	30	0	
6	TC210032	Thể dục nghệ thuật	2	15	0	30	0	
Tổng cộng:			**15**	**60**	**0**	**150**	**0**	

9. Mô tả vắn tắt nội dung học phần

9.1. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lê nin 1 **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần với những tri thức khái quát về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần có những nội dung cơ bản sau:

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật biện chứng: Vật chất – ý thức và mối quan hệ giữa vật chất và ý thức; phép biện chứng và phép biện chứng duy vật; các nguyên lý cơ bản, các phạm trù và quy luật của phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức.

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa duy vật lịch sử: Quy luật quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất; biện chứng giữa cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng; tồn tại xã hội và ý thức xã hội; hình thái kinh tế - xã hội; đấu tranh giai cấp và cách mạng xã hội; quan điểm của chủ nghĩa duy vật lịch sử về con người và vai trò sáng tạo lịch sử của quần chúng nhân dân

9.2. Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lê nin 2 **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin 1.

Học phần với những tri thức khái quát về thế giới quan và phương pháp luận của chủ nghĩa Mác-Lênin. Học phần có những nội dung cơ bản sau:

Những kiến thức cơ bản về kinh tế - chính trị học Mác – Lênin: Học thuyết giá trị và giá trị thặng dư; học thuyết về chủ nghĩa tư bản độc quyền và chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước.

Những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa xã hội khoa học: Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa; chủ nghĩa xã hội hiện thực và triển vọng.

9.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2.

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và có hệ thống về:

Cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; chủ nghĩa xã hội và con đường quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta; về Đảng Cộng sản Việt Nam; đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; dân chủ và xây dựng nhà nước của dân, do dân, vì dân; văn hóa, đạo đức và xây dựng con người mới. Đặc biệt nhấn mạnh sự vận dụng sáng tạo tư tưởng Hồ Chí Minh của Đảng và

Nhà nước ta trong thực tiễn cách mạng Việt Nam, nhất là trong thời kỳ đổi mới đất nước hiện nay.

9.4. Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh

Học phần khái quát những kiến thức cơ bản và có hệ thống về:

Sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam và Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng. Đường lối của Đảng về cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân.

Đường lối của Đảng về tiến hành Cách mạng xã hội chủ nghĩa bao gồm: đường lối về công nghiệp hóa, về xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, về xây dựng hệ thống chính trị, về xây dựng văn hóa và giải quyết các vấn đề xã hội, về đối ngoại; trong đó tập trung chủ yếu vào đường lối xây dựng đất nước thời kỳ đổi mới.

9.5. Tiếng Anh 1 (A2.1) **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần Tiếng Anh 1 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở đầu trình độ sơ cấp (A2.1) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.6. Tiếng Anh 2 (A2.2) **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1.

Học phần Tiếng Anh 2 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở giữa trình độ sơ cấp (A2.2) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.7. Tiếng Anh 3 (A2.3) **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2.

Học phần Tiếng Anh 3 cung cấp cho sinh viên kiến thức về ngôn ngữ, văn hóa và giao tiếp xã hội của các nước nói tiếng Anh; trang bị cho sinh viên các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết tiếng Anh ở cuối trình độ sơ cấp bậc 2 (A2.3) trong đó bao gồm cả phần rèn luyện ngữ âm, ngữ pháp và phát triển vốn từ vựng tương ứng với chuẩn bậc 2 theo khung NLNN 6 bậc dùng cho Việt Nam.

9.8. Tiếng Việt **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Ngữ âm Tiếng Việt, Từ vựng Tiếng Việt, Ngữ pháp, Phong cách học Tiếng Việt. Trang bị cho sinh viên công cụ để dạy đúng nội dung phát triển ngôn ngữ cho trẻ ở trường mầm non.

9.9. Pháp luật đại cương **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1

Học phần bao gồm những kiến thức cơ bản về nhà nước và pháp luật như nguồn gốc, bản chất, chức năng, các kiểu và hình thức của nhà nước và pháp luật. Các vấn đề về Nhà nước và pháp luật Việt Nam như: tổ chức và hoạt động của bộ máy Nhà nước CHXHCN Việt Nam; về kết cấu, cách xây dựng và áp dụng quy phạm pháp luật ở Việt Nam; về một số nội dung cơ bản của một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

Học phần này làm cơ sở lý luận cho sinh viên tiếp cận các học phần về Quản lý nhà trường; Soạn thảo văn bản; các học phần pháp luật chuyên ngành.

9.10. Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức, đánh giá hoạt động trải nghiệm ở trường mầm non. Sinh viên được tích lũy kiến thức, rèn kĩ năng nghề, tăng cường kĩ năng sống; Phát huy năng lực, phẩm chất trong hoạt động thực tế của nghề nghiệp; Tăng cường khả năng tự làm chủ bản thân, chủ động, tích cực giải quyết các tình huống của nghề nghiệp và cuộc sống; Tạo tính năng động, có thể thích ứng với những biến đổi của đời sống; Khơi dậy khát khao sáng tạo, tìm được cách giải quyết tối ưu những vấn đề đặt ra đối với nghề nghiệp và cuộc sống.

9.11. Đạo đức học **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác– Lênin 1

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống những tri thức cơ bản của đạo đức học như: nguồn gốc, tính chất, vai trò, nhiệm vụ của đạo đức, về phạm trù đạo đức, những nguyên tắc và những chuẩn mực đạo đức cần phải rèn luyện và giáo dục.

9.12. Mỹ học đại cương **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác– Lênin 1

Học phần trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản, hiện đại, có hệ thống và tương đối toàn diện về mỹ học, từ đó giúp cho sinh viên có ý thức và khả năng cảm thụ, đánh giá, sáng tạo cái đẹp cho cuộc sống, cho bản thân và cho nghệ thuật; góp phần xây dựng đời sống thẩm mỹ của sinh viên ngày càng phong phú và lành mạnh

9.13. Cơ sở văn hoá Việt Nam **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về văn hoá học và văn hoá Việt Nam, về tiến trình văn hoá Việt Nam, các thành tố văn hoá Việt Nam, như văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức đời sống, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội....

Học phần cũng trang bị những kỹ năng, phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hoá Việt Nam.

9.14. Tin học đại cương **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần bao gồm các phần:

- Những hiểu biết về công nghệ thông tin (CNTT) cơ bản: máy tính và mạng máy tính, các ứng dụng của CNTT và truyền thông, các vấn đề an toàn thông tin cơ bản khi làm việc với máy tính.
- Cách sử dụng máy tính cơ bản: các hiểu biết cơ bản để bắt đầu làm việc với máy tính, làm việc với Hệ điều hành, quản lý thư mục và tệp, một số phần mềm tiện ích, sử dụng tiếng Việt, sử dụng máy in.
- Sử dụng Internet cơ bản: giới thiệu mạng máy tính, mạng Internet, một số công cụ tìm kiếm, trình duyệt web, thư điện tử.
- Soạn thảo văn bản bằng phần mềm Microsoft Word; trình bày báo cáo, giáo án trình chiếu trên máy chiếu bằng phần mềm Microsoft Powerpoint; nhập liệu và thao tác với bảng tính điện tử, sử dụng các phép toán và các hàm để xử lý số liệu và vẽ đồ thị bằng phần mềm Microsoft Excel.

9.15. Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Các kiến thức về tập hợp, logic, số tự nhiên, các hình hình học và thống kê toán. Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về toán học để hình thành biểu tượng Toán cho trẻ.

9.16. Giáo dục thể chất 1 (Thể dục) **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho sinh viên hệ thống các động tác của bài thể dục phát triển chung, bài thể dục nhào lộn, bài thể dục nhảy dây ngắn nhằm giúp cho sinh viên rèn luyện sức khỏe tốt, phát triển các tố chất thể lực.

9.17. Giáo dục thể chất 2 (Điền kinh) **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 1 (Thể dục)

Học phần cung cấp cho sinh viên những hiểu biết cơ bản về ý nghĩa, tác dụng và kỹ thuật của môn đẩy tạ kiểu lưng hướng ném, môn nhảy xa kiểu ưỡn thân, một số điều luật thi đấu môn nhảy xa và đẩy tạ.

9.18. Giáo dục thể chất 3 (chọn 1 trong 5 học phần)1 TC

9.18.1. Cầu lông 1 **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức về lịch sử sự ra đời và phát triển môn cầu lông; kiến thức kỹ thuật cơ bản của môn cầu lông; phổ biến một số điều luật về sân bãi, dụng cụ và thi đấu đơn.

9.18.2. Bóng chuyền 1 **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng chuyền; phổ biến một số điều luật cơ bản.

9.18.3. Bóng đá 1 **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng đá; phổ biến luật bóng đá 5 người; phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.

9.18.4. Bóng bàn 1 **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Học phần trang bị cho sinh viên những hiểu biết về ý nghĩa, tác dụng, kỹ thuật của môn bóng bàn; phổ biến luật thi đấu đơn.

9.18.5. Võ Cổ truyền 1 **1 TC**

Điều kiện tiên quyết: Thể dục, Điền kinh.

Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản môn Võ thuật cổ truyền Việt Nam; Nắm được ý nghĩa, tác dụng của việc luyện tập các môn học này đối với cơ thể con người, vận dụng môn học để rèn luyện nhằm nâng cao các tố chất thể lực cho cơ thể.

9.19. Giáo dục quốc phòng – an ninh **8 TC**

Nội dung ban hành kèm theo Thông tư số: 31/2012/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 9 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình giáo dục quốc phòng – an ninh.

9.20. Tổ chức thực hiện chương trình GDMN **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: PP cho trẻ khám phá khoa học về Môi trường xung quanh

Học phần cung cấp cho sinh viên tri thức về nguyên tắc xây dựng chương trình chăm sóc và giáo dục trẻ thoe hứng tiếp cận tích hợp; hình thành ở người học những kỹ

năng xây dựng, thiết kế kế hoạch giáo dục; xây dựng môi trường giáo dục và tổ chức thực hiện các hoạt động giáo dục theo chương trình chăm sóc, giáo dục mầm non.

9.21. Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Khái niệm cơ bản về sự phát triển sinh lý trẻ em; các thời kỳ phát triển của cơ thể trẻ em, các chỉ số đánh giá, yếu tố ảnh hưởng đến sự phát triển cơ thể trẻ; đặc điểm sinh lý và vệ sinh bảo vệ các hệ cơ quan cơ thể trẻ em lứa tuổi mầm non (hệ thần kinh, hệ phân tích, hệ cơ, hệ hô hấp, hệ tuần hoàn, hệ tiêu hóa, hệ nội tiết và sinh dục).

9.22. Âm nhạc cơ bản **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Nhạc lý cơ bản: Cao độ âm thanh, trường độ âm thanh, nhịp, phách, các loại nhịp, dấu hóa, hóa biểu, cung, quãng, điệu thức, gam, giọng, dịch giọng, hợp âm, sơ lược về hình thức và thể loại âm nhạc, các ký hiệu. Tập đọc nhạc: Tập đọc điệu thức trưởng, điệu thức thứ (từ 0 đến 1 dấu hóa).

9.23. Mỹ thuật **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Những vấn đề chung về nghệ thuật tạo hình. Kiến thức và kỹ năng thể hiện về luật xa gần, hình họa, màu sắc, tỷ lệ người, phóng tranh, tranh đề tài, tranh minh họa, tranh xé-cắt-dán, kẻ cắt chữ, nặn; trang trí trường lớp mầm non.

9.24. Văn học trẻ em **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Cung cấp một số kiến thức về văn học trẻ em từ sau cách mạng tháng 9 đến nay:

- Những đặc trưng cơ bản của văn học trẻ em.
- Sự hình thành và quá trình phát triển của văn học trẻ em việt nam.
- Giới thiệu một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu.
- Giới thiệu văn học trẻ em ở nước ngoài.

9.25. Giáo dục hòa nhập **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Những vấn đề chung về giáo dục hòa nhập (GDHN): Khái niệm, mục tiêu và nhiệm vụ của GDHN; GDHN trên thế giới và ở Việt Nam.

Các hình thức tổ chức GDHN; các nguyên tắc GDHN; chiến lược thúc đẩy và hỗ trợ GDHN; giáo dục cho các nhóm trẻ có nhu cầu đặc biệt.

9.26. Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về một số bệnh và các cách cấp cứu tai nạn thường gặp ở trẻ em. Trên cơ sở đó có những biện pháp chăm sóc và giáo dục trẻ một cách phù hợp.

9.27. Vệ sinh - Chăm sóc trẻ **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

Những kiến thức cơ bản về vệ sinh học: Vi sinh vật; sự phân bố của vi sinh vật trong tự nhiên và ký sinh ở người; ký sinh trùng và các biện pháp phòng tránh; đại cương về nhiễm khuẩn, bệnh truyền nhiễm và miễn dịch; các biện pháp diệt khuẩn và ứng dụng trong các cơ sở GDMN. Yêu cầu và chế độ vệ sinh ở trường mầm non (vệ sinh về xây dựng; vệ sinh trang thiết bị; vệ sinh chăm sóc trẻ).

Cung cấp những kiến thức lí giải vì sao những năm đầu đời quan trọng đối với trẻ; cách chăm sóc trẻ ngay từ trong bụng mẹ, những năm đầu tiên-từ khi sinh đến 12 tháng, từ 1 tuổi đến 2 tuổi, từ 2 tuổi đến 4 tuổi, từ 4 tuổi đến 6 tuổi

9.28. Dinh dưỡng trẻ em **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ

Cung cấp kiến thức: Khái niệm về dinh dưỡng; dinh dưỡng hợp lý và tầm quan trọng của dinh dưỡng hợp lý; năng lượng và các chất dinh dưỡng cần thiết đối với cơ thể; một số bệnh thường gặp ở trẻ nhỏ do dinh dưỡng không hợp lý; giá trị dinh dưỡng của thực phẩm, cách sử dụng và chế biến các loại thực phẩm thông dụng; an toàn vệ sinh thực phẩm. Giáo dục dinh dưỡng và dinh dưỡng hợp lý theo lứa tuổi: Xây dựng khẩu phần ăn và thức ăn.

9.29. Giao tiếp với trẻ em **2TC**

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học trẻ em

Những vấn đề chung về giao tiếp: Khái niệm, các loại giao tiếp, các thành tố và các nguyên tắt giao tiếp.

Giao tiếp và quá trình xã hội hóa của trẻ từ 0 đến 6 tuổi. Phát triển giao tiếp cho trẻ dưới 3 tuổi, từ 3 đến 6 tuổi.

9.30. Giáo dục gia đình **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non

Trẻ em và Công ước về quyền trẻ em.

Những vấn đề cơ bản về giáo dục gia đình hiện nay: Gia đình - chủ thể của các tương tác sư phạm và môi trường văn hóa - xã hội đối với sự phát triển của trẻ; vai trò, đặc điểm của gia đình; các yếu tố ảnh hưởng đến hiệu quả của giáo dục gia đình; nhiệm vụ và nội dung giáo dục gia đình; phương pháp và biện pháp giáo dục gia đình. Mối quan hệ giữa gia đình và nhà trường, những định hướng và yêu cầu của xã hội đối với ngành học, ảnh hưởng của sự phát triển kinh tế - xã hội đối với GDMN trong chăm sóc và giáo dục trẻ.

9.31. Nghề giáo viên mầm non **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học mầm non .

Hoạt động sư phạm của GVMN: Đối tượng hoạt động sư phạm của GVMN. Công cụ lao động, chức năng và các kỹ năng nghề GVMN. Giao tiếp và ứng xử sư phạm của GVMN. Khó khăn và tình huống sư phạm trong công tác của GVMN.

Các giai đoạn phát triển nhân cách và nghề GVMN: Con đường hình thành phẩm chất và năng lực của GVMN. Định hướng, các giai đoạn phát triển nghề và các yêu cầu chuẩn của các bậc đào tạo. Các loại hình đào tạo và bồi dưỡng thường xuyên đối với nghề GVMN.

9.32. Tổ chức hoạt động vui chơi **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Những vấn đề cơ bản về trò chơi trẻ em. Khái niệm hoạt động vui chơi. Các loại trò chơi. Ý nghĩa của hoạt động vui chơi. Sự hình thành và phát triển các loại trò chơi trong độ tuổi mầm non: Trò chơi giả bộ (trò chơi phản ánh sinh hoạt và trò chơi đóng vai), trò chơi xây dựng, trò chơi có luật. Đánh giá mức độ phát triển hoạt động vui chơi của trẻ.

Vị trí hoạt động vui chơi trong chương trình GDMN. Vai trò của người lớn đối với sự phát triển hoạt động chơi của trẻ. Phương pháp hướng dẫn trẻ chơi. Ý nghĩa, nội dung, phương pháp và hình thức tổ chức các thời điểm vui chơi trong ngày của trẻ. Lập kế hoạch tổ chức hoạt đọng vui chơi của trẻ ở trường mầm non

9.33. Tổ chức hoạt động Âm nhạc **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc và múa

Nội dung môn học bao gồm: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về dạy học Âm nhạc cho trẻ từ 0-6 tuổi: Các dạng hoạt động, phương pháp hoạt động Âm nhạc của trẻ; Các hình thức giáo dục Âm nhạc cho trẻ.

9.34. Tổ chức hoạt động tạo hình **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

Những vấn đề lý luận cơ bản. ý nghĩa của hoạt động tạo hình với sự phát triển trẻ toàn diện; đặc điểm hoạt động tạo hình của trẻ mầm non, giáo dục thẩm mỹ cho trẻ thông qua các phương tiện hoạt động tạo hình, nội dung và các thể loại hoạt động tạo hình của trẻ mầm non: Vẽ, nặn, cắt, dán, chắp ghép.

Tổ chức các hoạt động tạo hình trong các cơ sở GDMN: vị trí của hoạt động tạo hình và sang tạo thẩm mỹ trong chương trình GDMN. Mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện tổ chức hoạt động tạo hình. Lập kế hoạch tổ chức và đánh giá hoạt động tạo hình và sang tạo thẩm mỹ của trẻ.

9.35. Phương pháp giáo dục thể chất **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục thể chất 3

Lý luận cơ bản về giáo dục thể chất cho trẻ mầm non: Nhiệm vụ, nội dung và phương tiện giáo dục thể chất; phát triển vận động chủ động cho trẻ lứa tuổi mầm non; phát triển các bài tập thể lực sáng tạo và tự lực của trẻ; cơ sở của việc dạy trẻ các thói quen và kỹ năng vận động; mối liên quan giữa phát triển các tố chất tâm vận động và thói quen vận động.

Nội dung và phương pháp dạy trẻ các bài tập vận động: Thể dục, trò chơi vận động, bài tập thụ động, bài tập chủ động, đội hình, đội ngũ, bài tập phát triển chung, vận động cơ bản; phương pháp tổ chức các hoạt động vận động của trẻ trong chế độ sinh hoạt tại trường mầm non. Xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá hoạt động phát triển và giáo dục thể chất cho trẻ ở các cơ sở GDMN.

9.36. Phương pháp cho trẻ làm quen với toán **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Những vấn đề lý luận cơ bản: Ý nghĩa và đặc điểm của việc hình thành các biểu tượng toán; mục đích, nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, hình thức và điều kiện hình thành các biểu tượng toán cho trẻ trong GDMN.

Tổ chức các hoạt động hình thành biểu tượng toán: Tập hợp - số và phép đếm, hình dạng, kích thước, không gian và thời gian (lập kế hoạch, tổ chức thực hiện và đánh giá).

9.37. Phương pháp cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về đặc điểm cảm thụ và sáng tạo tác phẩm văn học của trẻ mầm non; vai trò và yêu cầu của các phương pháp dạy học, hình thức tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen tác phẩm văn học ở trường mầm non.

9.38. Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ em **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Nhiệm vụ, nội dung, phương pháp, biện pháp, hình thức và điều kiện phát triển ngôn ngữ và giao tiếp cho trẻ em. Tổ chức các hoạt động phát triển ngôn ngữ trong các cơ sở GDMN: Rèn luyện tai nghe và phát âm, phát triển vốn từ, dạy trẻ nói đúng ngữ pháp, nói mạch lạc, giáo dục văn hóa giao tiếp. Mục đích, nội dung, phương pháp, biện pháp và hình thức cho trẻ làm quen với đọc, viết. Lập kế hoạch, quan sát, đánh giá sự phát triển ngôn ngữ và giao tiếp của trẻ trong GDMN

9.39. Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: không

Nội dung môn học bao gồm: Cung cấp cho sinh viên hệ thống kiến thức về phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen môi trường xung quanh (MTXQ) như nguyên tắc, yêu cầu, nội dung, phương tiện, điều kiện cho trẻ làm quen MTXQ; Các phương pháp, biện pháp và các hình thức tổ chức cho trẻ làm quen MTXQ. Rèn cho sinh viên kỹ năng hướng dẫn cho trẻ làm quen MTXQ.

Tổ chức khám phá khoa học và môi trường xung quanh, giáo dục tình cảm - xã hội, ý thức đối với môi trường cho trẻ ở trường mầm non: Môi trường thiên nhiên gần gũi (động vật, thực vật và hiện tượng thiên nhiên) và môi trường xã hội.

9.40. Hoạt động trải nghiệm thực tế **1 TC**

Tổ chức cho sinh viên trải nghiệm thực tế nội tỉnh với các nội dung: tìm hiểu một số di tích lịch sử, các công trình kiến trúc, điêu khắc, những danh lam, thắng cảnh, tìm hiểu một số làn điệu dân ca, điệu múa …để hiểu thêm về lịch sử, đời sống văn hóa ở địa phương Phú Yên nói riêng và khu vực Nam Trung bộ nói chung. Qua đó giúp sinh viên có được những hiểu biết thực tiễn để bổ sung, hỗ trợ, phục vụ cho việc giảng dạy các phân môn ở trường mầm non khi ra trường.

9.41. Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác Múa **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc cơ bản

Kỹ thuật ca hát cơ bản (sơ lược bộ máy phát âm, hơi thở - hơi thở ca hát, bài tập luyện thanh, tư thế ca hát thông thường); động tác giữ nhịp, dàn dựng bài hát; học các bài hát phù hợp với chương trình GDMN. Khái niệm cơ bản về nghệ thuật múa, một số kỹ năng múa động tác dân gian cơ bản; Biên soạn một số động tác múa phù hợp với nội dung âm nhạc ở trường mầm non.

9.42. Làm đồ chơi cho trẻ mầm non **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tổ chức hoạt động tạo hình

Nội dung môn học bao gồm:

Những vấn đề chung về đồ chơi: cơ sở lý luận về đồ chơi, quy trình và kỹ thuật làm đồ chơi bằng các nguyên vật liệu khác nhau. Hướng dẫn thực hành làm đồ chơi: đồ chơi xây dựng, đồ chơi học tập, đồ chơi có chủ đề, đồ chơi sân khấu và âm nhạc, đồ chơi trang trí và hài hước; một số mẫu đồ chơi khác bằng vật dụng thiên nhiên, phế liệu.

9.43. Đàn phím điện tử **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Âm nhạc và múa

Giúp sinh viên bước đầu làm quen và sử dụng được đàn phím điện tử làm phương tiện giảng dạy và giáo dục âm nhạc cho trẻ

9.44. Nghệ thuật tạo hình **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Mỹ thuật

Nội dung môn học bao gồm: Những kiến thức cơ bản về nghệ thuật tạo hình; từ khái niệm đến kiến thức cụ thể của từng phân môn như: Khái niệm về nghệ thuật tạo hình, luật xa gần; giải phẫu tạo hình; Hội hoạ, Đồ họa-Trang trí, Điêu khắc. Trang bị những cơ sở cho sinh viên học tốt phần làm đồ chơi cho trẻ và hướng dẫn hoạt động tạo hình.

9.45. Thể dục nghệ thuật **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ MN

Hình thành cho sinh viên các kỹ năng thể dục nhịp điệu gồm 12 động tác, bài thể dục với vòng gồm 32 động tác và bài thể dục với lụa gồm 10 động tác.

9.46. Tâm lý học đại cương **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1

Cung cấp các kiến thức cơ bản về tâm lý học đại cương; hiện tượng tâm lý người; nguồn gốc và bản chất các hiện tượng tâm lý; các yếu tố tác động đến sự hình thành và biểu hiện của hiện tượng tâm lý người, tạo cơ sở cho việc tiếp thu các học phần khác về tâm lý học lứa tuổi và tâm lý học sư phạm, các học phần giáo dục học (Giáo dục học đại cương, Hoạt động dạy học và hoạt động giáo dục: Rèn luyện nghiệp vụ thường

9.47. Tâm lý học trẻ em **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tâm lý học đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề lí luận chung về tâm lí học trẻ em và những đặc điểm phát triển tâm lý trẻ em từ lọt lòng đến 3 tuổi

Đặc điểm phát triển tâm lý của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo (3- 6 tuổi), những kiến thức về tâm lý học sư phạm và nhân cách người giáo viên mầm non.

9.48. Giáo dục học đại cương **2 TC**

Điều kiện tiên quyết:Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa MLN1

Những vấn đề cơ bản về khoa học giáo dục: Đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục, các phạm trù cơ bản của khoa học giáo dục và xu hướng phát triển của giáo dục Việt Nam và trên thế giới. Vai trò của giáo dục và các yếu tố khác đối với sự hình thành và phát triển nhân cách. Sơ lược Lịch sử giáo dục thế giới. Mục đích, nhiệm vụ giáo dục và những con đường giáo dục cơ bản trong nhà trường: dạy học, tổ chức các hoạt động lao động, xã hội, tập thể, vui chơi . Một số quan điểm về giáo dục mầm non.

9.49. Giáo dục học mầm non **3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương

Học phần trang bị cho sinh viên:

- Những vấn đề chung của giáo dục học mầm non.
- Các nhiệm vụ giáo dục trẻ em lứa tuổi mầm non (giáo dục sức khỏe, giáo dục trí tuệ, giáo dục tình cảm - đạo đức xã hội cho trẻ) và vai trò của giáo viên mầm non trong công tác chăm sóc giáo dục trẻ mầm non.

Học phần này còn trang bị cho sinh viên lý luận và kỹ năng về:

- Tổ chức các hoạt động (hoạt động với đồ vật, hoạt động vui chơi, học tập, lao động...) và chế độ sinh hoạt hàng ngày của trẻ ở trường Mầm non theo hướng tích hợp.
- Tổ chức ngày hội, lễ ở trường Mầm non
- Chuẩn bị cho trẻ vào lớp một.
- Đánh giá các hoạt động giáo dục cho trẻ ở trường Mầm non.

9.50. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (1) **1TC**

Học tập, rèn luyện những kỹ năng chung; rèn phong cách văn hóa sư phạm trong giao tiếp, tìm hiểu vị trí, mục tiêu đào tào, cơ cấu tổ chức của trường mầm non.

Học tập, rèn luyện những kỹ năng riêng thuộc chuyên ngành đào tạo: kỹ năng viết, kỹ năng nói...

9.51. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (2) **1TC**

Học tập, rèn luyện những kỹ năng chung: tìm hiểu tâm lý trẻ mầm non; Nghiên cứu Giáo trình hướng dẫn về việc thực hiện công tác thực tập sư phạm.

Học tập, rèn luyện những kỹ năng riêng thuộc chuyên ngành đào tạo: Thiết kế các loại kế hoạch năm, tháng, tuần, kế hoạch dạy học, giáo dục.

9.52. Rèn luyện nghiệp vụ sư phạm thường xuyên (3) **1TC**

Thực hành chăm sóc và giáo dục trẻ:

- Rèn kỹ năng chăm sóc và giáo dục trẻ (đón trẻ, trả trẻ, chăm sóc, vệ sinh cho trẻ, dinh dưỡng cho trẻ), dự giờ quan sát thực tế dạy học tại trường Mầm non.
- Tập giảng, rút kinh nghiệm.

9.53. Quản lý nhà trường **2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục học đại cương, GD học mầm non, Tâm lý học ĐC, Tâm lý học trẻ em.

Học phần cung cấp cho sinh viên ngành GDMN hệ thống tri thức về quản lý nhà trường mầm non: Tổng quan về quản lý và lãnh đạo nhà trường mầm non; Mô hình lý thuyết về quản lý dựa vào nhà trường mầm non; Phát triển chương trình nhà trường màm non theo tiếp cận năng lực; Phát triển năng lực tự chủ chuyển môn trong quản lý đội ngũ giáo viên mầm non; Tiếp cận lãnh đạo dạy học trong quản lý nhà trường màm non của hiệu trưởng; Đổi mới đánh giá trong lớp học theo quan điểm vì sự tiến bộ của trẻ; Quản lý chất lượng giáo dục mầm non; Quản lý nguồn nhân lực trong nhà trường mầm non; Quản lý tài chính trường mầm non theo định hướng tăng quyền tự chủ và trách nhiệm xã hội; Văn hoá nhà trường mầm non trong thế kỷ XXI và vai trò của người hiệu trưởng nhà trường mầm non; Tình huống và cách xử lý một số tình huống quản lý nhà trường mầm non.

9.54. Thực tập sư phạm tốt nghiệp **6 TC**

Củng cố và nâng cao các kiến thức về chuyên môn nghiệp vụ trong lĩnh vực tâm lí học, giáo dục học, phương pháp dạy học bộ môn; vận dung những kiến thức đó vào việc giải quyết các tình huống cụ thể trong hoạt động dạy học và giáo dục trẻ, tiếp tục rèn luyện các kĩ năng dạy học và giáo dục, kĩ năng nghiên cứu khoa học giáo dục.

10. Danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình

10.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
1.	Nguyễn Thị Trang, 1974, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2009	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin 1
2.	Đào Văn Phượng, 1979, Giảng viên	GV	TS, Việt Nam, 2018	Kinh tế chính trị	Những nguyên lý của chủ nghĩa Mác-Lênin 2
3.	Trần Văn Tàu, 1975, Trưởng Bộ Môn	GVC, 2011	TS, Việt Nam, 2018	Lịch sử Việt Nam	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4.	Võ Thị Minh Duyên, 1972, TP Tổ chức CB	GVC 2011	Ths, Việt Nam, 2005	Lịch sử Việt Nam	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam.
5.	Phan Thị Tuyết Trân, 1977, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam	Anh Văn	Tiếng Anh 1 (A2.1)
6.	Hoàng Vân Hà, 1966, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam	Anh Văn	Tiếng Anh 2 (A2.2)
7.	Lê Hoành Thọ, 1962, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam	Anh Văn	Tiếng Anh 3 (A2.3)
8.	Võ Thị Ngọc Hoa, 1976, PTK. KHXH- NV	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2005	Ngôn ngữ	Tiếng Việt
9.	Nguyễn Thị Phượng, 1975, TK LL chính trị	GVC, 2017	Ths, Việt Nam, 2005	Luật hành chính	Pháp luật đại cương
10.	Phan Thị Ánh Tuyết, 1968, Phó trưởng khoa TLGD	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Văn học	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm. Giáo dục gia đình
11.	Ngô Thị Kim Phượng, 1968, Phó TP Đào tạo	GVC	Ths, Việt Nam,	Triết học	Đạo đức học
12.	Nguyễn Thị Trang, 1975, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2008	Chính trị	Mỹ học đại cương
13.	Nguyễn Định, 1961, Phó Hiệu trưởng phụ trách	GV	TS, Việt Nam, 2008	Văn hóa	Cơ sở văn hoá Việt Nam
14.	Huỳnh Minh Giảng, 1969, Phó	GVC, 2011	Ths, Việt Nam,	Khoa học Máy	Tin học đại cương

	trưởng phòng Khảo thí-ĐBCL		2005	tính	
15.	Nguyễn Tấn Khô, 1961, TK GDTH&MN	GVC 2006	Ths, Việt Nam, 1998	Toán giải tích	- Cơ sở lí thuyết tập hợp và logic toán - Phương pháp cho trẻ làm quen với toán
16.	Trần Đắc Ân, 1966, PTK GDTC-QP	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2002	GD Thể chất	Giáo dục thể chất 1 Giáo dục thể chất 2
17.	Lê Đức Hiếu, 1979, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2012	GD Thể chất	Giáo dục thể chất 3
18.	Nguyễn Ngọc Sách, 1968, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 1992	GD Thể chất	- PP giáo dục thể chất - Thể dục nghệ thuật
19.	Trường quân sự tỉnh Phú Yên				GD Quốc phòng – an ninh
20.	Nguyễn Sơn Hà, 1961, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2003	Quản lý Giáo dục	Tổ chức thực hiện chương trình Giáo dục mầm non
21.	Nguyễn Thị Kiều Thu, 1965, Giảng viên	GVC, 2006	Ths, Việt Nam, 1999	Sinh học	-Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non - Dinh dưỡng trẻ em
22.	Trần Ngọc Hoàng, 1967, Giảng viên	GV	Cử nhân, Việt Nam, 2003,	Sáng tác	Âm nhạc cơ bản
23.	Trần Thành Vinh, 1970, Giảng viên	GV	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật Thị giác	Mỹ thuật
24.	Nguyễn Thị Thu Trang, 1964, Phó Hiệu trưởng	GVC 2004	TS, Việt Nam, 2009	Văn học	Văn học trẻ em
25.	Châu Thị Hồng Nhự, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2013	Giáo dục học	Giáo dục hoà nhập
26.	Lê Thị Hoàng Điệp, 1986, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2017	GD mầm non	-Vệ sinh – Chăm sóc trẻ - Tổ chức hoạt động vui chơi
27.	Phan Thị Lan, 1971, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2005	Tâm lý học & Giáo dục học	- Giao tiếp với trẻ - Tâm lý học đại cương
28.	Bùi Hữu Mô, 1960, TK TLGD-ĐĐ	GVC 2006	Ths, Việt Nam, 2003	Tâm lý học & Giáo dục học	-Giáo dục học đại cương - Giáo dục học mầm non
29.	Nguyễn Xuân Thành, 1978, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2014	LLDH Âm nhạc	Đàn phím điện tử Tổ chức hoạt động âm nhạc
30.	Nguyễn Thị Liên, 1974, P.TK	GVC	Ths, Việt Nam,	Ngôn ngữ	- Tổ chức hoạt động cho trẻ làm quen với tác

	GDTH – MN	2011	2004		phẩm văn học - Phương pháp phát triển ngôn ngữ
31.	Mai Thị Lê Hải, 1983, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2007	GDHTH	Phương pháp khám phá khoa học về môi trường xung quanh
32.	Nguyễn Thành Vinh, 1982, giảng viên	GV	Ths, Việt Nam 2007	Nghệ thuật thị giác	Nghệ thuật tạo hình
33.	Nguyễn Thế Dân, 1960, Giảng viên	GVC 2006	Ths, Việt Nam, 2003	Tâm lý học & Giáo dục học	Tâm lý trẻ em
34.	Nguyễn Sơn Hà, 1961, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2003	Quản lý Giáo dục	Quản lí nhà trường mầm non
35.	Trần Thị Hồng Vân, 1972, PTK Nghệ thuật	GV	Ths, Việt Nam, 2014	LLDH Âm nhạc	- Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác Múa (Kỹ thuật ca hát). - Tổ chức hoạt động âm nhạc
36.	Phan Thị Thanh Thúy, 1983, Giảng viên	GV	Ths, Việt Nam, 2018	Múa	Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác Múa (Múa)
37.	Phan Thị Lan, 1972, TBM. Mỹ thuật	GV	Ths, Thái Lan, 2012	Nghệ thuật thị giác	- Làm đồ chơi cho trẻ mầm non. - Tổ chức hoạt động tạo hình

10.2. Đội ngũ giảng viên thỉnh giảng

TT	Họ và tên, năm sinh, chức vụ hiện tại	Chức danh khoa học, năm phong	Học vị, nước, năm tốt nghiệp	Ngành, chuyên ngành	Học phần/môn học dự kiến đảm nhiệm
1	Nguyễn Văn Nhuận,1957			Bác sĩ chuyên khoa 1	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ
2	Trần Văn Hiếu, 1961, Đại học Sư phạm Huế			Giáo dục học	Nghề Giáo viên mầm non

11. Cơ sở vật chất phục vụ học tập

11.1. Các phòng thí nghiệm và các hệ thống thiết bị thí nghiệm quan trọng

Trường Đại học Phú Yên có cơ sở vật chất tương đối hiện đại, đáp ứng nhu cầu đào tạo. Trường được quy hoạch thành khu vực với diện tích 25ha. Hiện tại, nhà trường có 30 phòng học đạt chuẩn.

Các phòng học, phòng học chuyên dùng, phòng máy vi tính, các thiết bị và phương tiện dạy học được trang bị hiện đại đảm bảo phục vụ tốt cho công tác đào tạo chuyên ngành này.

- 1 Phòng dạy nấu ăn và 1 nhà ăn rộng 200m^2
- 1 phòng dạy họa
- 2 phòng dạy nhạc
- 1 phòng dạy máy vi tính
- 1 phòng thực hành Mầm non

11.2. Thư viện

Thư viện Trường Đại học Phú Yên có đầy đủ các đầu sách thuộc các lĩnh vực khoa học cơ bản, khoa học giáo dục, lý luận chính trị - xã hội, trong đó có đủ sách giáo trình tham khảo cho chuyên ngành đào tạo.

Đầy đủ tài liệu để phục vụ cho việc giảng dạy và học tập (khoảng 10 nghìn đầu sách và 1236m^2 sử dụng).

11.3. Danh mục giáo trình, tài liệu chính của ngành đào tạo

STT	Tên giáo trình	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Sử dụng cho môn học, học phần
1.	Giáo trình Chủ nghĩa XH khoa học	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2015	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 1
2.	Giáo trình Chủ nghĩa XH khoa học	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2015	Những nguyên lý cơ bản của CN Mác-Lênin 2
3.	Giáo trình Tư tưởng Hồ Chí Minh	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2015	Tư tưởng Hồ Chí Minh
4.	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam	Bộ Giáo dục & Đào tạo	Giáo dục	2015	Đường lối cách mạng của Đảng CS Việt Nam
5.	New English File – Elementary Student's Book/ Workbook	Clive Oxenden, Christina Latham_ Koenig, Paul Seligson	Oxford University Press	2004	Tiếng Anh 1
6.	New English File – Elementary Student's Book/Workbook	Clive Oxenden, Christina Latham_ Koenig, Paul Seligson	Oxford University Press	2004	Tiếng Anh 2

7.	New English File – Elementary Student's Book/Workbook	Clive Oxenden, Christina Latham_ Koenig, Paul Seligson	Oxford University Press	2004	Tiếng Anh 3
8.	Tiếng Việt	Lê A (chủ biên)	GD	2007	Tiếng Việt
9.	Giáo trình Pháp luật đại cương	Bộ Giáo dục & Đào tạo	ĐHSP, Hà Nội	2015	Pháp luật đại cương
	Tài liệu hướng dẫn tổ chức hoạt động GD trải nghiệm sáng tạo cho học sinh	Nguyễn Thị Chi (chủ biên)	Giáo dục	2017	Kỹ năng tổ chức hoạt động trải nghiệm
10.	Giáo trình đạo đức học		CTQG	2005	Đạo đức học
11.	Giáo trình Mỹ học đại cương	Lê Ngọc Trà, Lâm Vinh, Huỳnh Như Phương	Giáo dục	2005	Mỹ học đại cương
12.	Tìm hiểu về bản sắc văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	TP Hồ Chí Minh	1997	Cơ sở văn hóa Việt Nam
13.	Giáo trình Tin học cơ sở	Hồ Sĩ Đàm, Đào Kiến Quốc	ĐHSP	2004	Tin học đại cương
14.	Nhập môn Lý thuyết tập hợp và lôgic toán	Nguyễn Văn Ngọc	ĐHSP Hà nội,	1995	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán
15.	GT Luật Bóng chuyền	Nguyễn Viết Minh	ĐHSP	2003	Giáo dục thể chất 1
16.	GT Điền kinh	Nguyễn Kim Minh (chủ biên), Nguyễn Trọng Hải	ĐHSP	2004	Giáo dục thể chất 2
17.	GT Thể dục	Trương Anh Tuấn	ĐHSP	2004	Giáo dục thể chất 3
18.	Chương trình và tổ chức thực hiện chương trình GD Mầm non	Nguyễn Thị Thu Hiền	GD	2008	Tổ chức thực hiện chương trình GDMN
19.	Giáo trình sinh lý học trẻ em	Lê Thanh Vân	Giáo dục	2000	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non
20.	GT Âm nhạc và múa	Đức Sang, Công Dụng	GD	2008	Âm nhạc cơ bản
21.	GT Mĩ thuật cơ bản	Ngô Bá Công	ĐHSP	2011	Mỹ thuật
22.	GT Văn học trẻ em	Lã Thị Bắc Lý	ĐHSP	2005	Văn học trẻ em
23.	Giáo dục hòa nhập	Trần Thị Hiệp, Nguyễn Xuân Hải, Lê Thị Thúy Hằng	GD	2008	Giáo dục hòa nhập
24.	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ mầm non	Lê Thị Mai Hoa (chủ biên)	GD	2008	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ
25.	Dinh dưỡng học và những bệnh	Vũ Ngọc Ruẩn	HCM	2005	- Vệ sinh - Chăm sóc trẻ

	dinh dưỡng thông thường				– Dinh dưỡng
26.	Giao tiếp với trẻ em	Võ Duy Dần	Phúc Yên	2006	Giao tiếp với trẻ
27.	Giáo dục gia đình	Ngô Công Hoàn	GD	2008	Giáo dục gia đình
28.	Nghề Giáo viên mầm non	Hồ Hồng Lam	GD	2008	Nghề giáo viên mầm non
29.	Tổ chức hoạt động vui chơi cho trẻ ở trường Mầm non	Nguyễn Thị Thanh Hà	GD	2008	Tổ chức hoạt động vui chơi
30.	PPGD Âm nhạc ở trường Mầm non	Lý Trọng Hưng	ĐHSP	2010	Tổ chức hoạt động âm nhạc
31.	PP tổ chức hoạt động tạo hình cho trẻ Mầm non	Lê Thanh Thủy	ĐHSP	2006	Tổ chức hoạt động tạo hình
32.	GT Phương pháp giáo dục thể chất cho trẻ	Đặng Hồng Phương	GD	2008	Phương pháp giáo dục thể chất
33.	Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	Đỗ Thị Minh Liên	ĐHSP	2003	Phương pháp cho trẻ làm quen với toán
34.	PP hướng dẫn trẻ làm quen tác phẩm văn học	Ngô Thái Sơn	Giáo dục	2006	PP cho trẻ làm quen với tác phẩm văn học
35.	GT Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ Mầm non	Đinh Hồng Thái	GD	2008	Phương pháp phát triển ngôn ngữ
36.	Phương pháp hướng dẫn trẻ làm quen với môi trường xung quanh	Hoàng Thị Oanh, Nguyễn Thị Xuân	Huế	2007	PP khám phá khoa học về môi trường xung quanh
37.	PP dạy và học đàn phím điện tử	Nguyễn Xuân Tứ	GD	2007	Đàn phím điện tử
38.	Giáo trình Hoa trang trí	Nguyễn Thị Diệu Thảo	ĐHSP	2007	Nghệ thuật tạo hình
39.	Thể dục nghệ thuật và Thể dục nhào lộn	Phạm Nguyên Phùng, Vũ Thị Thư	GD	2000	Thể dục nghệ thuật
40.	Tâm lý học (tập 1,2)	Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy	Giáo dục, Hà Nội	1998	Tâm lý học đai cương
41.	Tâm lí trẻ em	Ngô Công Hoàn, Nguyễn Thị Mai Hà	Hà Nội	1997	Tâm lí học trẻ em
42.	Giáo dục học đại cương	Nguyễn Sinh Huy, Nguyễn Văn Lê	Giáo dục	2000	Giáo dục học đai cương
43.	Giáo dục học Mầm non	Đào Thanh Âm (chủ biên)	ĐHSP Hà Nội	2002	Giáo dục học mầm non

44.	Quản lí nhà trường	PGS. TS. Đặng Quốc Bảo TS. Nguyễn Thành Vinh	GDVN	2011	Quản lý nhà trường mầm non
45.	Múa	Trần Minh Trí	ĐHSP	2005	Kỹ thuật ca hát - Múa
46.	Đồ chơi và cách làm đồ chơi cho trẻ mầm non	Nguyễn Lăng Bình (chủ biên)	TT nghiên cứu giáo viên	1996	Làm đồ chơi cho trẻ mầm non

11.4. Danh mục tài liệu tham khảo của ngành đào tạo

TT	Tên tài liệu	Tên tác giả	Nhà xuất bản	Năm XB	Sử dụng cho môn học/ học phần
1	Thực tập sư phạm của sinh viên năm thứ III hệ CĐSP	Phạm Trung Thanh	ĐHSP Hà Nội	2004	-TTSP 1 -TTSP 2
2	Kiến tập và thực tập sư phạm (giáo trình đào tạo giáo viên THCS hệ CĐSP)	Nguyễn Đình Chỉnh, Phạm Trung Thanh	Giáo dục	1998	-TTSP 1 -TTSP 2
3	Thực tập sư phạm	Nguyễn Đình Chỉnh	Giáo dục	1991	-TTSP 1 -TTSP 2
4	Giáo trình nhạc lí phổ thông	Phạm Trọng Cầu	Giáo dục	1998	Âm nhạc cơ bản
5	Âm nhạc và PPGD Âm nhạc T1+T2	Ngô Thị Nam, Trần Nguyên Hoàn, Trần Minh Trí	Bộ GD&ĐT	1993	Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác múa
6	Trẻ mầm non ca hát	Hoàng Văn Yến-Vụ Giáo dục Mầm non	Giáo dục	1996	Tổ chức hoạt động âm nhạc
7	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ	Nguyễn Lăng Bình	Giáo dục	1999	- Tổ chức hoạt động tạo hình - Nghệ thuật tạo hình
8	Giáo trình đạo đức học		Chính trị Quốc gia, Hà Nội	2005	Đạo đức học
9	Phương pháp hình thành biểu tượng toán học sơ đẳng cho trẻ mầm non	Đỗ Thị Minh Liên	ĐHSP	2003	Phương pháp làm quen với toán
10	Giáo dục học Mầm non	Đào Thanh Âm (chủ biên)	ĐHSP Hà Nội	2002	Giáo dục học mầm non
11	Giáo dục học đại cương	Nguyễn Sinh Huy, Nguyễn Văn Lê	Giáo dục	2000	Giáo dục học đại cương

12	Mỹ học và giáo dục thẩm mỹ	Phạm Việt Hoa, Nguyễn Thị Hoàng Yến	ĐHSP Hà Nội	2005	Mỹ học đại cương
13	Giáo trình Mỹ học đại cương	Lê Ngọc Trà, Lâm Vinh, Huỳnh Như Phương	Giáo dục	2005	
14	Đồ chơi và cách làm đồ chơi cho trẻ mầm non	Bộ Giáo dục và Đào tạo	Trung tâm nghiên cứu giáo viên	1996	Tổ chức hoạt động vui chơi
15	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình cho trẻ	Ưng Thị Châu Nguyễn Lăng Bình	Giáo dục	1999	Tổ chức hoạt động tạo hình
16	Dạy trẻ phát âm và làm giàu vốn từ		Giáo dục	1988	PP làm quen với văn học
17	Tiếng Việt và phương pháp phát triển lời nói cho trẻ em	Nguyễn Quang Ninh, Bùi Kim Tuyến, Lưu Thị Lan	Giáo dục	1996	Phương pháp phát triển ngôn ngữ
18	Giáo dục trẻ mẫu giáo qua truyện và thơ	Nguyễn Thu Thuỷ	Giáo dục	1986	Giáo dục học mầm non
19	Bài giảng sinh lý học	G.s Nguyễn Tấn Gi	Y học	1990	Sự phát triển thể chất trẻ em lứa tuổi mầm non
20	Tâm lý học (tập 1,2)	Phạm Minh Hạc, Lê Khanh, Trần Trọng Thủy	Giáo dục, Hà Nội	1998	Tâm lý học đại cương
21	Giáo dục học	Hà Thế Ngữ - Đặng Vũ Hoạt	GD HN	1989	Giáo dục học đại cương
22	Nuôi dạy con như thế nào	B.S,Pak	Phụ nữ	1974	Giáo dục gia đình
23	Chương trình chăm sóc trẻ nhà trẻ và mẫu giáo	Bộ GD &ĐT		2009	Tổ chức thực hiện chương trình GD mầm non
	Phát triển chương trình GD mầm non *kinh nghiệm Singapore*	Vụ GD mầm non		2006	
	Tổ chức môi trường giáo dục trong trường mầm non	Trần Lan Hương	Lưu hành nội bộ		
24	Môi trường và con người	Mai Đình Yên	Đại học Tổng hợp Hà Nội	1999	PP cho trẻ khám phá khoa học về môi trường xung quanh
25	Dân số - tài nguyên môi trường	Đỗ Thị Minh Đức, Nguyễn Viết Thình	ĐHSP	1996	
26	Sinh thái và môi trường	Nguyễn Văn Tuyên	GD	1998	

27	Việt Nam văn hóa sử cương	Đào Duy Anh	TP Hồ Chí Minh	1992	Cơ sở văn hóa Việt Nam
28	Giá trị tinh thần truyền thống dân tộc của Việt Nam	Trần Văn Giàu	Khoa học xã hội, Hà Nội	1980	
29	Tìm hiểu về bản sắc văn hóa Việt Nam	Trần Ngọc Thêm	TP Hồ Chí Minh	1997	
30	Mỹ học đại cương	TS Đỗ Văn Khang	Giáo dục	1997.	Mỹ học đại cương
31	Lịch sử mỹ học	TS Đỗ Văn Khang	Văn hóa	1983	
32	Nhập môn Lý thuyết tập hợp và lôgic	Phan Hữu Châu – Trần Lâm Hách	Giáo dục	1977	Cơ sở lý thuyết tập hợp và logic toán
33	Nhập môn Lý thuyết tập hợp và lôgic toán	Nguyễn Văn Ngọc	ĐHSP Hà nội,	1995	
34	Giáo dục trẻ mẫu giáo qua truyện và thơ	Nguyễn Thu Thủy	Giáo dục	1986	PP làm quen với văn học
35	Dinh dưỡng người	Lê Doãn Điền, Vũ Thị Thư	Y học	1996	Vệ sinh -Chăm sóc trẻ - Dinh dưỡng
36	Khoa học trong ăn uống	Vũ Định	Phụ nữ	1986	
37	Các bài mẹ nuôi con cần biết	Lê Diễm Hương	Y học	1982	
38	Bài giảng vệ sinh trẻ em	Hoàng Thị Phương	ĐHSP Hà Nội		
39	Chăm sóc bảo vệ sức khỏe từ 0-6 tuổi	Phạm Mai Chi, Lê Thị Ngọc Ái	Giáo dục	1998	
40	Chăm sóc sức khỏe	Davit Werner	Y học	1988	
41	Giải phẩu sinh lý vệ sinh phòng bệnh trẻ em	Trần Trọng Thủy, Trần Quỵ	Giáo dục	1998	Phòng bệnh và đảm bảo an toàn cho trẻ
42	Giáo dục âm nhạc T1	Phạm Thị Hòa, Ngô Thị Nam	ĐHSP	1995	Âm nhạc và múa
43	Bài tập xướng âm	Hồng Đăng	Văn hóa	1982	
44	Phương pháp xướng âm	Doãn Mẫn	Văn hóa	1980	Kỹ thuật ca hát và biên soạn động tác múa
45	Khái niệm nghệ thuật múa	PTS Lê Ngọc Canh	Văn hóa thông tin	1997	
46	Múa dân tộc Việt Nam	TS. Lâm Tô Lộc	Văn hóa	1978	

47	Phương pháp dạy học văn	Phan Trọng Luận, Nguyễn Thanh Hùng	Giáo dục Hà Nội	1998	PP làm quen với văn học
48	Phương pháp phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non	Nguyễn Xuân Khoa	ĐHQG Hà Nội	1997	Phương pháp phát triển ngôn ngữ
49	Âm nhạc và phương pháp giáo dục âm nhạc	Ngô Thị Nam và cộng sự	Hà Nội	1993	Tổ chức hoạt động âm nhạc
50	Ca hát trong trường mẫu giáo	Forrai katalin	Âm nhạc Buđapet	1974	
51	Tạo hình và phương pháp hướng dẫn hoạt động tạo hình	Nguyễn Lăng Bình, Phan Việt Hoa	Hà Nội	1994	Tổ chức hoạt động tạo hình
52	Em tập gấp hình	Lê Thu Hiền	Trường ĐHSP Hà Nội	1997	
53	Cẩm nang quản lý nhà trường	Tập thể tác giả	NXB Chính trị quốc gia	2006	Quản lý nhà trường Mầm non
54	Nghệ thuật lãnh đạo quản lý	Lý Ân, Lý Dương	NXB Thống kê	1999	
55	Những thách thức của quản lý trong thế kỷ XXI	Peter Drucker	NXB Trẻ, TP. HCM	2003	
56	Chương trình chăm sóc trẻ nhà trẻ và mẫu giáo	Bộ GD &ĐT		2009	
57	Phát triển chương trình GD mầm non *kinh nghiệm Singapore*	Vụ GD mầm non		2006	
58	Tổ chức môi trường giáo dục trong trường mầm non	Trần Lan Hương	Lưu hành nội bộ		

12. Hướng dẫn thực hiện chương trình

12.1. Thực hiện theo quy trình đào tạo hệ thống tín chỉ

- Đối với giảng viên:

+ Có trình độ theo đúng chuẩn chức danh nghề nghiệp, đảm bảo yêu cầu giảng dạy trình độ cao đẳng.

+ Trước khi giảng dạy học phần được nhà trường phân công, giảng viên cần công bố đề cương chi tiết học phần trong đó cần nêu rõ: nội dung trọng tâm, phương pháp học tập; giáo trình chính, tài liệu học tập và tham khảo để sinh viên có thể lựa chọn và chuẩn bị để học tập.

+ Thường xuyên đổi mới phương pháp dạy học theo định hướng phát triển năng lực của sinh viên.

+ Đánh giá thường xuyên và định kỳ bằng nhiều hình thức, theo đúng quy chế học vụ của Nhà trường; có phương án kiểm soát, đánh giá việc tự học của sinh viên nhằm nâng cao chất lượng dạy học.

- Đối với sinh viên:

+ Xác định mục tiêu, lập kế hoạch học tập cho từng học kỳ và cả khóa học.

+ Bám sát chương trình đào tạo, đề cương chi tiết; có các phương pháp học tập phù hợp cho từng học phần khác nhau.

+ Chủ động trong tự học, tự nghiên cứu khoa học; Chủ động phối hợp với cố vấn học tập, khoa quản lý các phòng chức năng trong thực hiện nhiệm vụ học tập của bản thân.

12.2. Định hướng phát triển năng lực sinh viên

- Tập trung phát triển năng lực chuyên môn, năng lực nghề nghiệp, năng lực tự học, năng lực bồi dưỡng chuyên môn và học tập suốt đời.

- Gắn kết lý thuyết và thực hành; tăng cường thực hành, thực tập tại các trường Mầm non.

- Phương pháp dạy học hướng vào việc tổ chức cho sinh viên học tập trong hoạt động và bằng hoạt động tự giác, chủ động và sáng tạo. Tăng cường sử dụng hình thức thảo luận, bài tập nghiên cứu, hợp tác nhóm học tập. Thông qua các học phần trong chương trình đào tạo rèn luyện cho sinh viên phương pháp tự học, kỹ năng giao tiếp và hợp tác nhóm.

12.3. Đảm bảo các điều kiện phụcvụ đào tạo

- Đảm bảo các điều kiện về phòng học, phòng thực hành:
  - 1 phòng dạy Mỹ thuật.
  - 2 phòng dạy nhạc.
  - 1 phòng máy vi tính.
  - Phòng Thực hành Mầm non.
- Đảm bảo giáo trình, tài liệu tham khảo tại Thư viện.

KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG

TS. Nguyễn Định